

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 602/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Việt Trì, ngày 10 tháng 3 năm 2008*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 320  
đoạn từ ngã tư 27/7 đi viện Lao thị xã Phú Thọ**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và các Nghị định: số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005, số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006, số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ;

Theo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 124/SGTVT-KHKT ngày 25/01/2008, đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 124/TTr-SKH&ĐT ngày 06 tháng 3 năm 2008,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 320 đoạn từ ngã tư 27/7 đi viện Lao thị xã Phú Thọ với những nội dung cơ bản như sau:

1. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 320 đoạn từ ngã tư 27/7 đi viện Lao thị xã Phú Thọ.

2. Cấp công trình: Đường đô thị cấp IV.

3. Địa điểm xây dựng: Thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

4. Đơn vị khảo sát, lập thiết kế cơ sở và lập dự án: Trung tâm tư vấn xây dựng giao thông.

5. Diện tích chiếm đất: 37.908 m<sup>2</sup>.

6. Quy mô xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật và giải pháp thiết kế.

6.1. Quy mô: Tổng chiều dài:  $L = 1.995,16$  m.

- Mặt cắt ngang: 19m.

- Lòng đường: 8,5m.

- Rãnh đan:  $2 \times 0,25$ m.

- Vĩa hè:  $2 \times 5$ m.

6.2. Tiêu chuẩn kỹ thuật:

Thiết kế tuyến theo tiêu chuẩn đường đô thị cấp nội bộ khu nhà ở. Tốc độ thiết kế  $V_{tk} = 40$ km/h. Tải trọng thiết kế H30 - XB80. Mô đun đàn hồi  $E_{yc} \geq 120$ Mpa.

6.3. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

Bình đồ: Hướng tuyến bám theo đường cũ, điểm đầu tuyến tại km0 + 100 ĐT320, điểm cuối tại km 1 + 995 ĐT 320, bán kính đường cong bằng nhỏ nhất  $R = 48$ m.

Các vị trí giao cắt với các đường bộ thiết kế giao bằng, các lối rẽ dân sinh vượt nổi đảm bảo êm thuận.

Trắc dọc: Thiết kế bao trùm trên mặt đường nhựa cũ, độ dốc dọc lớn nhất 3,5%.

Trắc ngang:

- Kích thước trắc ngang hình học  $B_{nền} = B_{hè} + B_{rãnh\ đan} + B_{hè} = 5m + 0,25m + 8,5m + 0,25m + 5m$  (một số đoạn do hạn chế về mặt bằng có thể giảm bề rộng hè phố nhỏ hơn 5m).

- Độ dốc ngang mặt đường 2% nghiêng về hai phía (trong đường cong vượt theo độ dốc siêu cao).

- Hè phố lát gạch Block, trên lớp đệm cát dày 5cm. Độ dốc ngang 2% nghiêng về phía lòng đường, mép ngoài bó bằng viên vỉa lát bê tông mác 200.

- Độ chặt nền đường  $K \geq 0,95$ .

Kết cấu áo đường:

+ Kết cấu tăng cường:

- Lớp thảm bê tông nhựa nóng hạt trung dày 5cm.
- Lớp tăng cường bằng đá dăm tiêu chuẩn dày 8cm, lán nhựa tiêu chuẩn  $1,8\text{kg}/\text{m}^2$  (sau khi đã được bù vênh mặt đường cũ bằng đá dăm tiêu chuẩn).

+ Kết cấu can cấp:

- Lớp thảm bê tông nhựa nóng hạt trung dày 5cm.
- Lớp đá dăm tiêu chuẩn dày 8cm, lán nhựa tiêu chuẩn  $1,8\text{kg}/\text{m}^2$ .
- Lớp móng bằng đá dăm tiêu chuẩn dày 30cm.

Hệ thống thoát nước:

+ Thoát nước dọc hai bên đường: Gồm rãnh đan tiết diện tam giác bố trí mép ngoài mặt đường bằng BTCT mác 200 và cống dọc tiết diện chữ nhật lòng rộng 0,5m, tường xây gạch chỉ vữa xi măng mác 50 dày 22cm, lòng cống trát vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm, nắp đậy tấm đan BTCT mác 200 dày 10cm, (riêng những đoạn rãnh qua các đường ngang tường rãnh xây đá hộc vữa xi măng mác 100, đậy tấm bản BTCT chịu lực mác 250 dày 12cm).

+ Thoát nước ngang đồng thời là các cống xả nước từ rãnh dọc. Trên tuyến các cống cũ có khẩu độ thoát nước  $\Phi \geq 0,75\text{m}$  còn tốt thiết kế nối thêm đủ bề rộng nền đường. Kết cấu đầu cống, móng cống bằng đá hộc xây vữa xi măng mác 100, ống cống bằng BTCT mác 200, tấm bản cống bằng BTCT mác 250.

Hệ thống an toàn giao thông: Lắp đặt đúng theo điều lệ báo hiệu đường bộ Việt Nam hiện hành. Cột km bằng bê tông mác 200, biển báo sơn phản quang, cột đỡ bằng thép ống  $\Phi 100\text{mm}$ .

Chi tiết như trong dự án đầu tư xây dựng công trình đã được các cơ quan có liên quan thẩm định.

7. Tổng mức đầu tư: 11.838.766.000 đồng.

(Mười một tỷ, tám trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn).

---

Trong đó:	- Xây lắp:	9.297.355.268,0 đồng.
	- Chi khác:	919.704.000,0 đồng.
	- Chi phí BTGPMB:	600.000.000,0 đồng.
	- Dự phòng:	1.021.705.998,0 đồng.

8. Nguồn vốn: Vốn ngân sách Nhà nước và huy động các nguồn khác.

**Điều 2.** Phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện:

1. Chủ đầu tư: UBND thị xã Phú Thọ.
2. Hình thức thực hiện dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, thực hiện dự án.
3. Thiết kế, thi công: Thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải; Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Thọ; UBND thị xã Phú Thọ; các ngành và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Đặng Đình Vượng**